

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 282/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1989.

Trú tại: đường I, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh C, sinh năm 1982.

Trú tại: đường I, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Anh C và chị Phạm Thị Thùy L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Phạm Thị Thùy L và anh Nguyễn Anh C xác nhận có 02 con chung: Nguyễn Anh N, sinh ngày 28/5/2008; Nguyễn Anh D, sinh ngày 22/12/2014. Anh C, chị L thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Anh N cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), giao cháu Nguyễn Anh D cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thùy L và anh Nguyễn Anh C xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thùy L tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000454 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố H; chị L được hoàn trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THATP H;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND phường Phước Vĩnh, thành phố H (ĐKKH số 07/2019);
- Luu.

THẨM PHÁN

Lê Thúc Mỹ